ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐÔNG HẢI **Mẫu biểu số 12.9.1**

Mã Chương:.....

CHI TIẾT ĐỐI TƯỢNG VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TRỢ CẤP, PHỤ CẤP THƯỜNG XUYÊN HẰNG THÁNG NĂM 2027

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
A	B	1	2	3	4=3-2	5=(3:2)*100	6	7	8	9	10=9-8	11=(9:8)*100	12
	TỔNG SỐ	**312**	**308**	**308**	**0**	**100**	**4806.084**	**0**	**11360.114**	**11360.114**	**0**	**100**	**0**
I	**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG**	**1**	**1**	**1**	**0**	**100**	**14.42**	**0**	**34.608**	**34.608**	**0**	**100**	**0**
1	Người hoạt động CM trước ngày 01/01/1945 diện thoát ly	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Người hoạt động CM trước ngày 01/01/1945 diện không thoát ly	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Người hoạt động CM trước ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8/1945	1	1	1	0	100	14.42		34.608	34.608	0	100	
II	**BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG, ANH HÙNG**	**0**	**0**	**0**	**0**	0	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Bà mẹ Việt nam anh hùng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Anh hùng LLVT, anh hùng lao động trong thời kỳ KC	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	**THƯƠNG BINH (TB), NGƯỜI HƯỞNG CHÍNH SÁCH NHƯ TB**	**154**	**153**	**153**	**0**	100	**2461.35**	**0**	**5769.42**	**5769.42**	0	100	
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 21%	38	40	40	0	100	356.82		901.44	901.44	0	100	
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 22%	5	5	5	0	100	49.225		118.14	118.14	0	100	
3	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 23%	9	8	8	0	100	92.385		197.088	197.088	0	100	
4	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 24%	2	2	2	0	100	21.44		51.456	51.456	0	100	
5	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 25%	16	15	15	0	100	176.644		402.48	402.48	0	100	
6	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 26%	1	1	1	0	100	11.615		27.876	27.876	0	100	
7	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 27%	2	1	1	0	100	24.11		28.932	28.932	0	100	
8	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 28%	1	1	1	0	100	12.525		30.06	30.06	0	100	
9	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 29%	1	1	1	0	100	12.945		31.068	31.068	0	100	
10	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 30%	1	1	1	0	100	13.415		32.196	32.196	0	100	
11	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 31%	10	10	10	0	100	138.5		332.4	332.4	0	100	
12	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 32%	2	2	2	0	100	28.62		68.688	68.688	0	100	

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
A	B	1	2	3	4=3-2	5=(3:2)*100	6	7	8	9	10=9-8	11=(9:8)*100	12
13	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 33%	2	2	2	0	100	29.5		70.8	70.8	0	100	
14	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 34%	1	1	1	0	100	15.2		36.48	36.48	0	100	
15	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 35%	5	5	5	0	100	78.3		187.92	187.92	0	100	
16	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 36%	2	2	2	0	100	32.17		77.208	77.208	0	100	
17	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 37%	2	2	2	0	100	33.04		79.296	79.296	0	100	
18	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 38%	2	2	2	0	100	33.99		81.576	81.576	0	100	
19	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 39%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
20	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 40%	1	1	1	0	100	17.88		42.912	42.912	0	100	
21	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 41%	14	14	14	0	100	256.69		616.056	616.056	0	100	
22	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 42%	1	1	1	0	100	18.765		45.036	45.036	0	100	
23	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 43%	2	2	2	0	100	38.39		92.136	92.136	0	100	
24	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 44%	1	1	1	0	100	19.67		47.208	47.208	0	100	
25	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 45%	4	4	4	0	100	76.456		193.152	193.152	0	100	
26	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 46%	3	3	3	0	100	61.695		148.068	148.068	0	100	
27	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 47%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
28	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 48%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
29	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 49%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
30	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 50%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
31	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 51%	4	4	4	0	100	91.22		218.928	218.928	0	100	
32	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 52%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
33	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 53%	1	1	1	0	100	23.68		56.832	56.832	0	100	
34	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 54%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
35	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 55%	1	1	1	0	100	24.59		59.016	59.016	0	100	
36	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 56%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
37	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 57%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
38	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 58%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
39	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 59%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
40	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 60%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
41	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 61%	8	8	8	0	100	218		523.2	523.2	0	100	

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
A	B	1	2	3	4=3-2	5=(3:2)*100	6	7	8	9	10=9-8	11=(9:8)*100	12
42	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 62 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
43	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 63 %	1	1	1	0	100	28.145		67.548	67.548	0	100	
44	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 64 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
45	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 65 %	2	2	2	0	100	58.09		139.416	139.416	0	100	
46	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 66 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
47	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 67 %	1	1	1	0	100	29.95		71.88	71.88	0	100	
48	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 68 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
49	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 69 %	1	1	1	0	100	30.85		74.04	74.04	0	100	
50	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 70 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
51	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 71 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
52	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 72 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
53	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 73 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
54	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 74 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
55	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 75 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
56	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 76 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
57	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 77 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
58	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 78 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
59	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 79 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
60	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 80 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
61	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 81 %	6	6	6	0	100	259.17		521.28	521.28	0	100	
62	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 82 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
63	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 83 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
64	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 84 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
65	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 85 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
66	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 86 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
67	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 87 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
68	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 88 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
69	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 89 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
70	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 90 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
A	B	1	2	3	4=3-2	5=(3:2)*100	6	7	8	9	10=9-8	11=(9:8)*100	12
71	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 91 %	1	1	1	0	100	47.665		97.608	97.608	0	100	
72	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 92 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
73	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 93 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
74	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 94 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
75	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 95 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
76	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 96 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
77	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 97 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
78	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 98 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
79	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 99 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
80	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 100 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
81	Phụ cấp TB, Người hưởng chính sách như TB có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
82	Phụ cấpTB, Người hưởng chính sách như TB có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	
IV	**THƯƠNG BINH LOẠI B**	**7**	**7**	**7**	**0**	**100**	**81.71**	**0**	**196.104**	**196.104**	**0**	**100**	
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 21%	3	3	3	0	100	23.28	0	55.872	55.872	0	100	
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 22%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 23%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 24%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 25%	1	1	1	0	100	9.24	0	22.176	22.176	0	100	
6	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 26%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 27%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 28%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
9	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 29%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
10	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 30%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 31%	1	1	1	0	100	11.4	0	27.36	27.36	0	100	
12	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 32%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
13	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 33%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
14	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 34%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
15	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 35%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
A	B	1	2	3	4=3-2	5=(3:2)*100	6	7	8	9	10=9-8	11=(9:8)*100	12
16	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 36%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 37%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
18	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 38%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
19	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 39%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
20	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 40%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
21	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 41%	1	1	1	0	100	15.075	0	36.18	36.18	0	100	
22	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 42%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
23	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 43%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
24	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 44%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
25	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 45%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
26	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 46%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
27	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 47%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
28	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 48%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
29	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 49%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
30	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 50%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
31	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 51%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
32	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 52%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
33	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 53%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
34	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 54%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
35	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 55%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
36	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 56%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
37	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 57%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
38	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 58%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
39	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 59%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
40	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 60%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
41	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 61%	1	1	1	0	100	22.715	0	54.516	54.516	0	100	
42	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 62 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
43	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 63 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
44	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 64 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
A	B	1	2	3	4=3-2	5=(3:2)*100	6	7	8	9	10=9-8	11=(9:8)*100	12
45	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 65 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
46	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 66 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
47	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 67 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
48	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 68 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
49	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 69 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
50	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 70 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
51	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 71 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
52	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 72 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
53	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 73 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
54	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 74 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
55	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 75 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
56	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 76 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
57	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 77 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
58	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 78 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
59	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 79 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
60	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 80 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
61	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 81 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
62	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 82 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
63	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 83 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
64	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 84 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
65	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 85 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
66	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 86 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
67	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 87 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
68	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 88 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
69	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 89 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
70	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 90 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
71	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 91 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
72	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 92 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
73	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 93 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
A	B	1	2	3	4=3-2	5=(3:2)*100	6	7	8	9	10=9-8	11=(9:8)*100	12
74	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 94 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
75	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 95 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
76	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 96 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
77	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 97 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
78	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 98 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
79	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 99 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
80	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 100 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
81	Phụ cấp Thương binh B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
82	Phụ cấpThương binh B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
V	**BỆNH BINH**	**31**	**30**	**30**	**0**	**100**	**734.28**	**0**	**1706.808**	**1706.808**	**0**	**0**	**0**
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41%-50%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 51%-60%	1	1	1	0	100	18.135	0	43.524	43.524	0	100	
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61%-70%	27	26	26	0	100	623.97		1442.064	1442.064	0	100	
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 71%-80%	2	2	2	0	100	53.29		127.896	127.896	0	100	
3	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81%-90%	1	1	1	0	100	38.885		93.324	93.324	0	100	
4	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 91%-100%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Phụ cấp Bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	Phụ cấp Bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
VI	**NGƯỜI PHỤC VỤ TB, THƯƠNG BINH B, BỆNH BINH, BÀ MẸ VNAH, HĐKC NHIỄM CĐHH**	**9**	**9**	**9**	**0**	**100**	**114.349**	**0**	**301.212**	**301.212**	**0**	**100**	
1	Người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng sống ở gia đình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Người phục vụ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên ở gia đình	7	7	7	0	100	97.615		234.276	234.276	0	100	
3	Người phục vụ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng ở gia đình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
A	B	1	2	3	4=3-2	5=(3:2)*100	6	7	8	9	10=9-8	11=(9:8)*100	12
4	Người phục vụ bệnh binh ở gia đình có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81 % trở lên	1	1	1	0	100	13.945		33.468	33.468	0	100	
5	Người phục vụ bệnh binh ở gia đình có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	Người phục vụ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81 % trở lên sống ở gia đình	1	1	1	0	100	2.789		33.468	33.468	0	100	
VII	**TRỢ CẤP TUẤT ĐỐI VỚI THÂN NHÂN NCC VỚI CÁCH MẠNG**	**45**	**44**	**44**	**0**	**100**	**516.823**	**0**	**1193.52**	**1193.52**	**0**	**100**	
1	Thân nhân của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945:	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.1	Vợ hoặc chồng, con chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.2	Vợ hoặc chồng sống cô đơn, con mồ côi cả cha mẹ chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng thì được hưởng thêm trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Thân nhân của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945:	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.1	Vợ hoặc chồng, con chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.2	Vợ hoặc chồng sống cô đơn, con mồ côi cả cha mẹ chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng thì được hưởng thêm trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Trợ cấp tuất đối với thân nhân liệt sĩ	26	25	25	0	100	368.148	0	836.7	836.7	0	100	
3.1	Trợ cấp tuất đối với thân nhân của 1 liệt sĩ	21	20	20	0	100	298.423		669.36	669.36	0	100	
3.2	Trợ cấp tuất đối với thân nhân của 2 liệt sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.3	Trợ cấp tuất đối với thân nhân của 3 liệt sĩ trở lên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.4	Trợ cấp tuất đối với người có công nuôi liệt sĩ	1	1	1	0	100	13.945		33.468	33.468	0	100	
3.5	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với cha đẻ, mẹ đẻ, người có công nuôi liệt sĩ, vợ hoặc chồng liệt sĩ sống cô đơn;	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
A	B	1	2	3	4=3-2	5=(3:2)*100	6	7	8	9	10=9-8	11=(9:8)*100	12
3.6	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với con liệt sĩ chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng mồ côi cả cha mẹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.7	Trợ cấp tuất đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác mà nuôi con liệt sĩ đến tuổi trưởng thành hoặc chăm sóc cha đẻ, mẹ đẻ liệt sĩ khi còn sống hoặc vì hoạt động cách mạng mà không có điều kiện chăm sóc cha đẻ, mẹ đẻ khi còn sống	4	4	4	0	100	55.78		133.872	133.872	0	100	
4	Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên	12	12	12	0	100	93.9	0	225.36	225.36	0	100	
4.1	Trợ cấp tuất đối với cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng đủ tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động.	12	12	12	0	100	93.9	0	225.36	225.36	0	100	
4.2	Trợ cấp tuất đối với con chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.3	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với cha đẻ, mẹ đẻ sống cô đơn, vợ hoặc chồng đủ tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động sống cô đơn.	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.4	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với con mồ côi cả cha mẹ chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Thân nhân của bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên:	6	6	6	0	100	46.95	0	112.68	112.68	0	100	
5.1	Trợ cấp tuất đối với cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng đủ tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động	6	6	6	0	100	46.95	0	112.68	112.68	0	100	
5.2	Trợ cấp tuất đối với con chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5.3	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với cha đẻ, mẹ đẻ sống cô đơn, vợ hoặc chồng đủ tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động sống cô đơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5.4	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với con mồ côi cả cha mẹ chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
A	B	1	2	3	4=3-2	5=(3:2)*100	6	7	8	9	10=9-8	11=(9:8)*100	12
6	Thân nhân của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên	1	1	1	0	100	7.825	0	18.78	18.78	0	100	
6.1	Trợ cấp tuất đối với cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng đủ tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động	1	1	1	0	100	7.825	0	18.78	18.78	0	100	
6.2	Trợ cấp tuất đối với con chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6.3	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với cha đẻ, mẹ đẻ sống cô đơn, vợ hoặc chồng đủ tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động sống cô đơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6.4	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với con mồ côi cả cha mẹ chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
VIII	**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÁNG CHIẾN BỊ NHIỄM CHẤT ĐỘC HOÁ HỌC**	**39**	**38**	**38**	**0**	**100**	**606.757**	**0**	**1495.092**	**1495.092**	**0**	**100**	
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% - 40%	14	14	14	0	100	131.44		356.16	356.16	0	100	
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41%-60%	19	19	19	0	100	336.49		807.576	807.576	0	100	
3	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61%-80%	4	4	4	0	100	99.28		238.272	238.272	0	100	
4	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	2	1	1	0	100	39.547		93.084	93.084	0	100	
5	Phụ cấp của gười hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	Phụ cấp của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
IX	**NGƯỜI HĐCM, KHÁNG CHIẾN, BẢO VỆ TỔ QUỐC, LÀM NGHĨA VỤ QUỐC TẾ BỊ ĐỊCH BẮT TÙ, ĐÀY**	**6**	**6**	**6**	**0**	**100**	**50.19**		**120.456**	**120.456**	**0**	**100**	
X	**NGƯỜI CÓ CÔNG GIÚP ĐỠ CÁCH MẠNG**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" trước cách mạng tháng Tám năm 1945 được hưởng trợ cấp hằng tháng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)						
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng)	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %	
A	B	1	2	3	4=3-2	5=(3:2)*100	6	7	8	9	10=9-8	11=(9:8)*100	12
2	Người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Huân chương Kháng chiến được hưởng trợ cấp hằng tháng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Trường hợp người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" trước cách mạng tháng Tám năm 1945, người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Huân chương Kháng chiến sống cô đơn thì được hưởng thêm trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
XI	**CON ĐẺ NGƯỜI HĐKC NHIỄM CHẤT ĐỘC HOÁ HỌC**	**14**	**14**	**14**	**0**	**100**	**145.01**	**0**	**348.024**	**348.024**	**0**	**100**	
1	Con đẻ còn sống của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 80%	9	9	9	0	100	75.285		180.684	180.684	0	100	
2	Con đẻ còn sống của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81 % trở lên	5	5	5	0	100	69.725		167.34	167.34	0	100	
XII	**QUÂN NHÂN THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CÓ DƯỚI 20 NĂM CÔNG TÁC TRONG QUÂN ĐỘI ĐÃ PHỤC VIÊN, XUẤT NGŨ VỀ ĐỊA PHƯƠNG (Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008; Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010)**	**5**	**5**	**5**	**0**	**100**	**67.47**		**161.93**	**161.93**	**0**	**100**	
XIII	**CÁN BỘ, CHIẾN SĨ CÔNG AN NHÂN DÂN THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ DƯỚI 20 NĂM CÔNG TÁC TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN ĐÃ THÔI VIỆC, XUẤT NGŨ VỀ ĐỊA PHƯƠNG (Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010)**	**1**	**1**	**1**	**0**	**100**	**13.725**		**32.94**	**32.94**	**0**	**100**	
XIV	**ĐỐI TƯỢNG TRỰC TIẾP THAM GIA CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ LÀM NHIỆM VỤ QUỐC TẾ SAU NGÀY 30/4/1975 THEO QĐ SỐ 62/2011/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
XV	**TRỢ CẤP HẰNG THÁNG ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT (Chi tiết các chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật nếu có).**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	

278.9

5.578

284.478